

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG PHÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/LĐ - ST  
Ngày: 12/5/2022  
V/v: Tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt  
hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Triều Vũ Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Thạch Hoàng Tha.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Buól – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST – LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019) (Có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***Bị đơn:*** Công ty P

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Ngọc Khánh Q – Bà Hoàng Thị Mỹ H. (Theo giấy ủy quyền ngày 14/6/2021) (có mặt)

Địa chỉ: Phòng A, tầng B, Tòa nhà C, đường T, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*** Ông Phạm Quốc T. Là luật sư Điều hành công ty Luật trách nhiệm hữu hạn D – thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: Phòng A, tầng B, Tòa nhà C, đường T, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện 22/8/2019 và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày:

Ông C là người lao động trong Công ty P, nhà thầu chính gói thầu EPC Nhà Máy chính thuộc dự án Đầu tư xây dựng Công trình nhà máy nhiệt điện L (gọi tắt là công ty). Vào năm 2017, ông C và công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 29/12/2017 đến 29/12/2018. Chức danh, công việc đảm nhận: Quản trị Văn phòng công ty. Tiền lương là 1000USD (đã trừ thuế thu nhập cá nhân và Bảo hiểm xã hội); Tiền nhà: 5.000.000 đồng/ tháng. Tiền vé máy bay đi về/năm/kỳ và các chế độ khác ghi trong hợp đồng lao động. Khi hết hạn hợp đồng, ông C vẫn làm theo công việc như lúc ban đầu, nên coi như hai bên thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo pháp luật về lao động. Ông C làm việc cho công ty đến ngày 11/7/2019 thì Giám đốc công ty thông báo miệng cho thôi việc và thu hồi thẻ ra vào công trường. Ông C không đồng ý và có văn bản thông báo bằng thư điện tử với công ty yêu cầu thực hiện đúng thời gian báo trước, giải quyết chế độ lao động và các khoản tiền liên quan. Tuy nhiên đến nay công ty không có bất cứ văn bản phản hồi để giải quyết thanh lý hợp đồng. Trong thời gian đảm nhận công việc, Công ty vẫn còn nợ lương tháng 07/2019 và tiền thuê nhà ở, chế độ nghỉ phép, chi phí tàu xe.

Ông C yêu cầu Tòa án: Tuyên bố việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty là trái pháp luật. Đồng thời buộc công ty có trách nhiệm nhận trở lại làm việc.

Buộc công ty chi trả các chế độ được hưởng, tạm tính từ ngày 11/7/2019 cho đến ngày xét xử, cụ thể:

+ Tiền lương:  $24.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} = 504.000.000 \text{ đồng}$  (năm trăm lẻ bốn triệu đồng)

+ Tiền thuê nhà ở:  $5.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} = 105.000.000 \text{ đồng}$  (một trăm lẻ năm triệu đồng)

+ Chế độ nghỉ phép, chi phí tàu xe: đi về từ Cần Thơ – Nội Bài, giá vé máy bay  $3.200.000 \text{ đồng/ năm} \times 2 \text{ năm} = 6.400.000 \text{ đồng}$  (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

+ Tiền điện thoại:  $500.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} = 10.500.000 \text{ đồng}$  (mười triệu năm trăm ngàn đồng);

Tiền thuế thu nhập, bảo hiểm xã hội tạm tính từ ngày 11/7/2019 – đến ngày xét xử.

Tổng cộng số tiền yêu cầu là 625.900.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm ngàn đồng); Căn cứ để đưa ra yêu cầu là đã có những chứng từ do công ty chi trả cho ông C trước đây.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại đối với yêu cầu Tuyên bố việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P là trái pháp luật. Đồng thời buộc công ty có trách nhiệm nhận ông Nguyễn Xuân C trở lại làm việc. Đối với yêu cầu buộc công ty chi trả cho ông C các chế độ được hưởng tạm tính từ ngày 11/7/2019 đến ngày xét xử, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 46.380.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) (tương đương 2.000 đô la, với 1 đô la tương đương 23.190 đồng (hai mươi ba ngàn, một trăm chín mươi đồng) và tiền lương tháng 07/2019 mà công ty chưa chi trả là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), tổng cộng số tiền yêu cầu là 54.380.000 đồng (năm mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Công ty P (gọi tắt là công ty) có ký kết hợp đồng lao động số 12 -15/PM-VN ngày 29/12/2017, theo đó giữa ông Nguyễn Xuân C và Công ty có hai giai đoạn làm việc, cụ thể:

Giai đoạn từ ngày 29/12/2017 – 31/01/2019: Làm việc theo hợp đồng lao động số 1215 ngày 29/12/2017. Các khoản phụ cấp, phúc lợi được tính theo hợp đồng.

Giai đoạn từ ngày 31/01/2019 – 11/7/2019: Không có ký kết hợp đồng lao động, công ty chỉ trả lương trên ngày làm việc thực tế của ông C tại công ty. Giữa ông C và công ty chỉ thỏa thuận miệng là không có ký hợp đồng lao động. Tiền lương vẫn theo mức lương cũ. Riêng phúc lợi, phụ cấp thì không có thỏa thuận.

Đối với việc rút hai yêu cầu của phía nguyên đơn, thì phía công ty đồng ý và không có ý kiến gì khác. Đối với yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, thì phía công ty thừa nhận còn thiếu tiền lương tháng 07/2019 với số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) căn cứ trên ngày làm thực tế của ông C. Đối với các khoản chế độ được hưởng thì công ty đồng ý thanh toán cho ông C với số tiền 46.380.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) (tương đương 2.000 đô la, với 1 đô la tương đương 23.190 đồng (Hai mươi ba ngàn, một trăm chín chục đồng), tổng cộng số tiền 54.380.000 đồng (năm mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tuyên bố việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P là trái pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nhận ông Nguyễn Xuân C trở lại làm việc. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C tiền lương tháng 07/2019 là 8.000.000 đồng và các khoản chi phí khác với số tiền 46.380.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) (tương đương 2.000 đô la, với 1 đô la

tương đương 23.190 đồng (hai mươi ba ngàn, một trăm chín mươi đồng), tổng cộng số tiền là 54.380.000 đồng (năm mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: xin rút lại đối với yêu cầu tuyên bố việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P là trái pháp luật, xin rút lại đối với yêu cầu buộc công ty có trách nhiệm nhận ông Nguyễn Xuân C trở lại làm việc. Xét thấy: Việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận và căn cứ vào khoản 2, điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất vào năm 2017, ông C và Công ty P có ký hợp đồng lao động số 12 -15/PMVN – 2017 ngày 29/12/2017. Vì vậy có thể khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ lao động với nhau. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chi trả các chế độ được hưởng theo hợp đồng lao động các bên đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Buộc công ty chi trả các chế độ được hưởng, tạm tính từ ngày 11/7/2019 cho đến ngày xét xử, cụ thể:

+ Tiền lương: 24.000.000 đồng x 21 tháng = 504.000.000 đồng (năm trăm lẻ bốn triệu đồng)

+ Tiền thuê nhà ở: 5.000.000 đồng x 21 tháng = 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng)

+ Chế độ nghỉ phép, chi phí tàu xe: đi về từ C – N, giá vé máy bay 3.200.000 đồng/ năm x 2 năm = 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

+ Tiền điện thoại: 500.000 đồng x 21 tháng = 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng);

Tiền thuế thu nhập, bảo hiểm xã hội tạm tính từ ngày 11/7/2019 – 06/5/2021.

Tổng cộng số tiền yêu cầu là 625.900.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm ngàn đồng).

Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương tháng 07/2019 là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), các khoản chi phí khác như tiền thuê nhà ở, chế độ nghỉ phép, tiền tàu xe, tiền điện thoại, tiền thuế thu nhập, bảo hiểm xã hội là 46.380.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) (tương đương 2.000 đô la, với 1 đô la tương đương 23.190 đồng (hai mươi ba ngàn, một trăm chín mươi đồng), tổng cộng số tiền là 54.380.000 đồng (năm mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng). Xét thấy: Việc thay đổi yêu

cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận còn thiếu nguyên đơn tiền lương tháng 07/2019 là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và đồng ý chi trả các khoản khác như nguyên đơn yêu cầu với số tiền 46.380.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) (tương đương 2.000 đô la, với 1 đô la tương đương 23.190 đồng (hai mươi ba ngàn, một trăm chín mươi đồng), tổng cộng số tiền là 54.380.000 đồng (năm mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng), do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của phía bị đơn về việc đồng ý thanh toán các khoản tiền trên cho nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Xuân C không phải chịu án phí. Công ty P đồng ý chịu số tiền là 1.631.400 đồng (một triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, bốn trăm đồng) án phí lao động sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 36 Bộ luật lao động và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tuyên bố việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P là trái pháp luật.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nhận ông Nguyễn Xuân C trở lại làm việc tại Công ty P.

3/ Buộc Công ty P thanh toán cho nguyên đơn số tiền lương tháng 07/2019 là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), các khoản chi phí khác như tiền thuê nhà ở, chế độ nghỉ phép, tiền tàu xe, tiền điện thoại, tiền thuế thu nhập bảo hiểm xã hội là 46.380.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) (tương đương 2.000 đô la, với 1 đô la tương đương 23.190 đồng), tổng cộng số tiền là 54.380.000 đồng (năm mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Xuân C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty P còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn công ty P phải chịu (một triệu, sáu trăm ba mươi một ngàn, bốn trăm đồng) án phí lao động sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân C không phải chịu án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tăng Triều Vũ Hà**



